**TAND HUYỆN VĂN BÀN**
**TỈNH LÀO CAI**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 - 5 - 2018.
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Triệu Vĩnh Thái

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Bùi Ánh Dương.

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

*Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện Văn Bàn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:* Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX - ST ngày 15/5/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác Nguyễn Thị D).

Sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh L.

*2. Bị đơn:* Ông Mai Văn T (tên gọi khác Mai Xuân T).

Sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh L.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam T, thuộc tổng cục VIII Bộ Công an.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bầy và đề nghị: Bà và ông Mai Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi chửi, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, phương pháp làm ăn kinh tế và nuôi dậy con cái không thống nhất với nhau được bất cứ việc gì. Năm 2010 Bà đã có hành vi mua bán ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Đến năm 2013 bà chấp hành xong án phạt tù trở về gia đình thì được biết đầu năm 2012 chồng bà có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị phạt 18 năm tù. Trong thời gian Bà chấp hành án và trong thời gian ông Trường chấp hành án, vợ chồng có 2 đến 3 lần thăm gặp

nhau trong trại giam nhưng vì trách nhiệm chứ không có tình cảm gì. Nay bà G xác định thời gian ông T còn phải cải tạo quá dài, Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T, nên đề nghị li hôn để bà yên tâm nuôi dậy con cái.

Trong thời gian chung sống Bà và ông Mai Văn T có 03 con chung: Cháu thứ nhất là Mai Thị Thu Y, sinh ngày 22/6/2001; cháu thứ hai là Mai Văn L, sinh ngày 27/8/2003; cháu thứ ba là Mai Thanh T, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng Bà. Khi li hôn Bà G đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Bà G không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống bà và ông T không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 07/5/2018 ông Mai Văn T trình bầy: Ông và Bà Nguyễn Thị G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì hai vợ chồng mắc vào tệ nạn xã hội. Năm 2010 bà G phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt tù, một năm sau ông cũng phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 18 năm tù. Nay bà G xin li hôn ông nhất trí với yêu cầu của bà G.

Trong thời gian chung sống Ông và bà Nguyễn Thị G có 03 con chung: Cháu thứ nhất là Mai Thị Thu Y, sinh ngày 22/6/2001; cháu thứ hai là Mai Văn L, sinh ngày 27/8/2003; cháu thứ ba là Mai Thanh T, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng bà G, do hiện nay ông đang phải chấp hành án trong trại giam nên nhất trí với yêu cầu của bà G là để bà G trực tiếp nuôi 03 con đến tuổi trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống ông, bà G không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định về việc xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 238, 239, 242, 254 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Mai Văn T.

Về quan hệ con chung: Giao các cháu Mai Thị Thu Y, sinh ngày 22/6/2001; cháu Mai Văn L, sinh ngày 27/8/2003; cháu Mai Thanh T, sinh ngày 17/6/2008 cho bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị D) chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Mai Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Mai Văn T đang chấp hành án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và Bà Nguyễn Thị G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, phương pháp làm ăn kinh tế và nuôi dậy con cái không thống nhất với nhau được bất cứ việc gì. Sau đó năm 2010 bà G phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt tù, một năm sau ông T cũng phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 18 năm tù. Trong thời gian Bà G chấp hành án và trong thời gian ông T chấp hành án, vợ chồng có vài lần thăm gặp nhau trong trại giam nhưng vì trách nhiệm chứ không có tình cảm gì. Nên xác định tình cảm vợ chồng không còn bà G và ông T đều nhất trí li hôn là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị G có 03 con chung: Cháu thứ nhất là Mai Thị Thu Y, sinh ngày 22/6/2001; cháu thứ hai là Mai Văn L, sinh ngày 27/8/2003; cháu thứ ba là Mai Thanh T, sinh ngày 17/6/2008. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng bà G, do hiện nay ông T đang phải chấp hành án trong trại giam. Bà G hiện ở nhà làm thuê và chăn nuôi thu nhập 7.000.000đ/tháng nên giao 03 con cho bà G nuôi dưỡng là phù hợp và ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Ông T, bà G không đề nghị giải quyết. Trong thời gian chung sống ông T, bà G không vay ai tài sản gì cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật nguyên đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác Nguyễn Thị D.)

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác Nguyễn Thị D) được ly hôn với ông Mai Văn T tên gọi khác (Mai Xuân T).

Về quan hệ con chung: Giao các cháu Mai Thị Thu Y, sinh ngày 22/6/2001; cháu Mai Văn L, sinh ngày 27/8/2003; cháu Mai Thanh T, sinh ngày 17/6/2008 cho bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị D) chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Mai Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị D) phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/08115 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Bà Nguyễn Thị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Án xét xử công khai kết thúc hồi 08 giờ 15 phút cùng ngày 28/5/2018.

***Nơi nhận:***
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Vĩnh Thái**